

Bản án số: 04/2024/HNGĐ-ST  
Ngày 20 - 3 - 2024  
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN DŨNG**

*Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Sơn.*

*Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lương Ngọc Biên, bà Nguyễn Thị Thủy Khơi.*

- Thư ký phiên tòa: Ông Mông Anh Tuấn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Mạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 215/2023/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 02 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 37/2024/QĐST-HNGĐ ngày 05/3/2024 giữa:

*Nguyên đơn: Chị Lưu Thị H, sinh năm 1987 (vắng mặt)*

*Bị đơn: Anh Nguyễn Phan D, sinh năm 1982 (vắng mặt)*

*Cùng địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn chị Lưu Thị H trình bày:*

Chị và anh N Phan Dương kết hôn với nhau vào năm 2007, trước khi cưới có được tìm hiểu nhau trên cơ sở tự nguyện và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Cưới xong vợ chồng chung sống với nhau tại thôn H, xã T, huyện Y. Vợ chồng chung sống hoà thuận, hạnh phúc đến năm 2018 thì anh D đi xuất khẩu lao động, sau khi kết thúc hợp đồng về nước thì anh D không về nhà với vợ con mà đi nơi khác sinh sống, thỉnh thoảng mới về nhà một đến hai hôm rồi lại đi ngay. Chị có yêu cầu anh D phải quan tâm đến vợ con, ở nhà để làm ăn nhưng anh D không nghe. Nay chị và anh D đã sống ly thân hơn 5 năm, hai bên không còn tình cảm gì nữa nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn với anh N Phan Dương .

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Ngụy Thị Quỳnh A, sinh ngày 13/4/2008. Hiện con đang ở cùng chị, khỏe mạnh, phát triển bình thường. Chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

- Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản, công nợ chung: Chị và anh N Phan Dương tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Đối với bị đơn là anh Ngụy Phan D:*

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập anh Ngụy Phan D nhiều lần nhưng anh D không đến làm việc. Tại biên bản làm việc ngày 20/12/2023 với người thân của anh D và biên bản xác minh với chính quyền địa phương nơi anh D cư trú, được biết anh D là người vẫn đăng ký thường trú tại thôn H, xã T, huyện Y nhưng thời gian gần đây anh D thường vắng nhà, việc anh D đi đâu, làm gì thì địa phương và gia đình không có thông tin.

Ngày 20/12/2023 Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai thông báo về việc thụ lý vụ án tại Nhà văn hóa thôn H2; trụ sở UBND xã T và Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ngày 04/01/2024 Tòa án ban hành Quyết định số 02/2024/QĐ-TA về việc “Thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú” đối với anh Ngụy Phan Dương .1 Cùng ngày 04/01/2024 Tòa án phát hành Công văn số 06/TB-TA gửi đến Đ (V); B; Cổng thông tin điện tử Tòa án nhân dân tối cao đề nghị “Thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng” để thông báo cho anh N Phan Dương biết việc Tòa án đang giải quyết yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Lưu Thị H đối với anh.

Ngày 05/01/2024 Tòa án gửi Công văn số 10/TA đến Cục Q Bộ C để đề nghị cung cấp thông tin xuất nhập cảnh của anh N Phan Dương .1 Tại Công văn số 1392/QLXNC-P3 ngày 16/01/2024 của Cục Q Bộ C trả lời “Ngụy Phan D, sinh ngày 24/11/1982 đã xuất nhập cảnh 08 lần, nhập cảnh gần nhất ngày 06/01/2023.

Ngày 09/01/2014 Tòa án niêm yết công khai thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đối với anh Ngụy Phan D nhưng anh D vẫn vắng mặt không lý do.

Hết thời hạn niêm yết công khai và thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng nhưng Tòa án không nhận được văn bản ghi ý kiến của anh D đối với yêu cầu khởi kiện của chị Lưu Thị H. Do vậy Tòa án không thu thập được lời khai của anh N Phan Dương .1

*Tại biên bản lấy lời khai ngày 12/12/2023 tại trụ sở Tòa án, cháu Ngụy Thị Quỳnh A trình bày:*

Cháu là con của mẹ Lưu Thị H và bố là Ngụy Phan Dương .1 Hiện nay cháu đang học lớp 10 trường P (xã C, huyện Y, tỉnh Bắc Giang). Bố cháu đi làm ăn xa nhà mấy năm nay, cháu ở cùng với mẹ, cháu khỏe mạnh, phát triển bình thường. Cháu có biết việc bố mẹ không ở cùng với nhau, nhưng nguyên nhân vì sao thì cháu không biết vì cháu còn nhỏ, không hiểu chuyện của bố mẹ. Cháu có nguyện vọng bố mẹ về ở với nhau, trường hợp bố mẹ ly hôn (tức là không ở được với nhau nữa) thì cháu muốn được ở cùng mẹ vì hiện tại mẹ là người nuôi dạy cháu, cháu đã quen ở với mẹ.

Ngày 05/3/2024 Tòa án mở phiên tòa xét xử vụ án lần thứ nhất nhưng đã hoãn phiên tòa vì anh D vắng mặt. Tại phiên tòa hôm nay anh D vẫn tiếp tục vắng mặt không lý do. Chị Lưu Thị H vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, theo nội dung đơn đề nghị, chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa sơ thẩm phát biểu ý kiến:*

Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi mở phiên tòa, Thẩm phán và Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng trình tự tố tụng. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử sơ thẩm thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về phía các đương sự, nguyên đơn là chị Lưu Thị H đã chấp hành đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn là anh Nguyễn Phan D không cung cấp văn bản ghi ý kiến, vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, vắng mặt tại phiên tòa không lý do là chưa thực hiện đúng nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các điều 9, 51, 56, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; các điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273, 280 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về xử lý án phí, lệ phí, xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Lưu Thị H được ly hôn anh N Phan Dương .1

Về con chung: Giao chị Lưu Thị H là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung là Nguyễn Thị Quỳnh A, sinh ngày 13/4/2008. Anh Nguyễn Phan D có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn, không ai được cản trở.

- Về chi phí tố tụng: Chị Lưu Thị H là người yêu cầu Tòa án tiến hành thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng nên chị H phải chịu lệ phí theo quy định của pháp luật.

- Về án phí: Chị Lưu Thị H là nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng chị H đã nộp tạm ứng án phí ngày 12/12/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang.

- Về quyền kháng cáo: Đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

### **[1] Về thủ tục tố tụng:**

Chị Lưu Thị H là người có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết việc “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con” với anh N Phan Dương .1 Bị đơn anh N Phan Dương là người có địa chỉ cư trú tại thôn H, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang.

### **[2] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng:**

2.1. Đối với nguyên đơn: Chị Lưu Thị H vắng mặt tại phiên tòa nhưng chị H đã gửi đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do vậy căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị H.

2.1. Đối với bị đơn: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai và thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng các thủ tục tố tụng cho bị đơn là anh N Phan Dương theo quy định tại Điều 179 và Điều 180 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. (*Đăng các thông báo về việc thụ lý vụ án; phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử trên công thông tin điện tử Tòa án và B 03 số liên tiếp; phát sóng trên Đ Việt Nam 03 ngày liên tiếp*).

Ngày 05/3/2024 Hội đồng xét xử sơ thẩm hoãn phiên tòa lần thứ nhất vì anh Nguyễn Phan D vắng mặt không lý do.

Xét thấy: Anh Nguyễn Phan D là người vẫn thường xuyên cư trú tại thôn H, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Tại Công văn trả lời của Cục Q, Bộ C xác định anh D đã nhập cảnh về nước ngày 06/01/2023. Như vậy là từ khi chị H nộp đơn khởi kiện ra Tòa án đến nay, anh D vẫn đang cư trú trong lãnh thổ nước Việt Nam, chưa xuất cảnh ra nước ngoài.

Anh D có đủ thông tin để biết việc Tòa án đang giải quyết yêu cầu ly hôn của chị Lưu Thị H đối với anh nhưng anh vẫn cố tình trốn tránh, giấu địa chỉ, gây khó khăn cho chị H trong việc xin ly hôn, làm kéo dài thời gian giải quyết vụ án. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định tiếp tục đưa vụ án ra xét xử theo quy định.

### **[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy:**

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lưu Thị H và anh N Phan Dương kết hôn với nhau vào năm 2007 trên tinh thần tự nguyện, vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang (*giấy chứng nhận kết hôn số 60 do UBND xã T cấp ngày 15/12/2007*). Do vậy xác định quan hệ giữa chị Lưu Thị H và anh Nguyễn Phan Dương là hôn nhân hợp pháp.

[3.2] Về mâu thuẫn vợ chồng:

Căn cứ tài liệu xác minh, thu thập trong hồ sơ cho thấy: Chị Lưu Thị H và anh N Phan Dương trong cuộc sống có xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không hòa hợp, không bảo ban được nhau trong việc làm ăn, phát triển kinh tế gia đình. Từ năm 2018 đến nay, chị H và anh D sống ly thân, không quan hệ tình cảm, không quan tâm, chăm sóc nhau.

Tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình có quy định về việc vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, cụ thể:

*“Điều 19. Tình nghĩa vợ chồng*

*1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.*

2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác”.

Việc chị H – anh D sống ly thân từ năm 2018 đến nay chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng là có thật. Vợ chồng đã không ở cùng nhau, không quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau trong thời gian rất dài. Phía anh D không thiện chí hòa giải để hàn gắn hôn nhân, vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc cũng như tại phiên tòa. Do vậy, xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu của chị Lưu Thị H, xử cho chị H được ly hôn với anh Nguyễn Phan Dương l phù hợp quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3.3] Về con chung: Chị Lưu Thị H và anh N Phan Dương có một con chung là Nguyễn Thị Quỳnh A, sinh năm 13/4/2008. Con đang ở cùng mẹ từ nhỏ, hiện tại khỏe mạnh, phát triển bình thường.

Xét nguyện vọng nuôi con của chị H thì thấy, hiện nay chị H có công việc và thu nhập ổn định. Chị đang làm công nhân tại Công ty J, khu công nghiệp Q, huyện V, tỉnh Bắc Giang với mức lương từ 10.000.000 đồng đến 14.000.000 đồng. Chị có thời gian để quản lý, chăm sóc và giáo dục con, có nơi ở đảm bảo việc học tập và sinh hoạt cho con. Tại biên bản ghi lời khai, cháu Quỳnh A có nguyện vọng được ở với mẹ.

Mặt khác hiện nay anh Nguyễn Phan D không rõ đi đâu, làm gì, không xác định được điều kiện nuôi con và nguyện vọng của anh D như thế nào. Do vậy cần giao con cho chị Lưu Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng sẽ đảm bảo cho sự phát triển mọi mặt của con và phù hợp quy định tại Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3.4] Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con, tài sản, công nợ chung: Do chị Lưu Thị H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Trường hợp đương sự tranh chấp về cấp dưỡng nuôi con, tài sản, công nợ chung và có đơn yêu cầu thì sẽ được Tòa án xem xét, giải quyết bằng một vụ án khác.

[4] Về án phí: Chị Lưu Thị H là nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội.

[5] Về chi phí tố tụng: Chị Nguyễn Thị H1 là người yêu cầu Tòa án tiến hành thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng nên chị H1 phải chịu lệ phí theo quy định tại khoản 2 Điều 180 Bộ luật Tố tụng dân sự. (lệ phí phát thông báo trên sóng Đ là 1.500.000 đồng và lệ phí đăng tin trên B là 1.500.000 đồng, tổng cộng là 3.000.000 đồng).

[6] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các điều 9, 51, 56, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 180; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273; Điều 280; Điều 385 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Lưu Thị H được ly hôn anh N Phan Dương .1
2. Về con chung: Giao chị Lưu Thị H là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con là Nguyễn Thị Quỳnh A, sinh ngày 13/4/2008.

Anh Nguyễn Phan D có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn, không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Chị Lưu Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng chị H đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0005154 ngày 12 tháng 12 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị Lưu Thị H đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về chi phí tố tụng: Chị Lưu Thị H phải chịu 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) lệ phí đăng, phát thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng. Xác nhận chị H đã nộp đủ lệ phí.

5. Về quyền kháng cáo:

Thời hạn kháng cáo đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự, đại diện cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân khởi kiện không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Yên Dũng;
- UBND xã Tư Mại, huyện Yên Dũng;
- Đương sự;
- Chi cục THADS huyện Yên Dũng;
- Công thông tin điện tử TAND tối cao.
- Lưu HS.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thái Sơn**